

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Nâng cao xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Trị năm 2025

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”. Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2098/TTr-SKHCN ngày 20/11/2025, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch nâng cao xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Trị năm 2025 như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Xác định Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là các tỉnh) và của cả nước trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia.

1. Cấu trúc Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh được cấu trúc theo 03 trụ cột (pillar) là: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số. Trong mỗi trụ cột đều có 06 chỉ số chính (05 chỉ số chính giống nhau giữa các trụ cột thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và 01 chỉ số chính về hoạt động tương ứng: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số).

- Chỉ số đánh giá gồm 08 chỉ số chính (được phân thành nhóm chỉ số nền tảng chung và nhóm chỉ số về hoạt động) với 47 chỉ số thành phần:

+ Nhóm chỉ số nền tảng chung gồm 05 chỉ số chính: Nhận thức số; Thể chế số; Hạ tầng số; Nhân lực số; An toàn, an ninh mạng.

+ Nhóm chỉ số về hoạt động gồm 03 chỉ số chính: Hoạt động chính quyền số; Hoạt động Kinh tế số; Hoạt động xã hội số.

2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá của Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh là 1.000 điểm.

Trong đó:

- Nhóm chỉ số nền tảng chung 500 điểm, cụ thể:

- + Nhận thức số: 50 điểm.
- + Thẻ chế số: 50 điểm.
- + Hạ tầng số: 200 điểm.
- + Nhân lực số: 100 điểm.
- + An toàn thông tin mạng: 100 điểm.
- Nhóm chỉ số về hoạt động 500 điểm, cụ thể:
 - + Hoạt động chính quyền số: 200 điểm.
 - + Hoạt động kinh tế số: 150 điểm.
 - + Hoạt động xã hội số: 150 điểm.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI BỘ CHỈ SỐ DTI CẤP TỈNH NĂM 2024:

Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo

III. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ DTI CẤP TỈNH

1. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích

- Nâng cao kết quả chuyển đổi số của tỉnh, bảo đảm Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Quảng Trị được cải thiện qua từng năm, phấn đấu nằm trong nhóm các địa phương có chỉ số DTI trung bình trong cả nước.
- Đánh giá toàn diện mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó xác định rõ những tiêu chí, chỉ số còn hạn chế để có giải pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số trên các trụ cột.
- Tăng cường trách nhiệm, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả; gắn kết quả DTI với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.
- Đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm và lộ trình triển khai cụ thể, làm cơ sở để huy động, phân bổ nguồn lực phù hợp, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh diễn ra thực chất, bền vững, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Yêu cầu

- Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và tiêu chí của Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.
- Xác định rõ trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí DTI.

- Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và liên thông trong tổ chức thực hiện, tránh hình thức, chồng chéo; tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nguồn lực của tỉnh.

- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ và kịp thời điều chỉnh giải pháp để bảo đảm tiến độ, chất lượng và kết quả đạt được theo mục tiêu đề ra.

- Phát huy vai trò người đứng đầu, khuyến khích sáng kiến và đổi mới trong thực hiện chuyển đổi số, góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động và kết quả trên toàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Các tiêu chí, phân công, phương pháp triển khai được kèm theo Phụ lục 2: Phân công thực hiện bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh.

3. Thời gian triển khai: Hoàn thành trước ngày 31/12/2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nội dung của Kế hoạch. Báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

Thống kê số liệu từ các đơn vị, báo cáo UBND tỉnh xem xét để gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá, xếp hạng.

2. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nội dung liên quan đến chỉ số An toàn thông tin mạng tại nhóm chỉ số nền tảng chung và tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử tại nhóm chỉ số về hoạt động xã hội số.

3. Sở Tài chính

Cân đối, bố trí nguồn lực nhằm triển khai các dự án, đặc biệt là các nền tảng số dùng chung chưa triển khai.

Nghiên cứu cân đối nguồn lực để triển khai các hoạt động sự nghiệp trong kế hoạch, đặc biệt các hoạt động về An toàn thông tin mạng, máy tính đảm bảo cài đặt cho công chức, viên chức; Kinh phí thường xuyên cho hoạt động kinh tế số và xã hội số.

4. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Hành chính công tỉnh, Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh)

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nội dung liên quan đến các chỉ số chính quyền số.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao theo bảng Phụ lục phân công và trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này xây dựng kế hoạch, đề ra nội dung thực hiện tại đơn vị, địa phương mình; Tạo điều kiện để người dân tham gia sâu, rộng vào việc triển khai chuyển đổi số; Tổng hợp và cung cấp đầy đủ các số liệu và tài liệu kiểm chứng đã được phân công gửi cho Sở Khoa học và Công nghệ đúng hạn.

6. Báo và Phát thanh Truyền hình tỉnh: đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các chỉ số nội dung liên quan đến chương trình Chuyển đổi số của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh qua Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, điều chỉnh, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các CQ TƯ trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các DN viễn thông, Các DN Bưu chính;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- TT HC Công tỉnh; TT Điều hành TT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVXL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục 1:**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI BỘ CHỈ SỐ DTI CẤP
TỈNH NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Năm 2024, tỉnh Quảng Bình xếp vị trí thứ 63/63, tỉnh Quảng Trị (cũ) xếp vị trí thứ 41/63 tỉnh, thành trong cả nước. Sau khi sáp nhập, tỉnh Quảng Trị (mới) xếp vị trí thứ 33/34 tỉnh, thành.

1. Về Nhận thức số

Tỉnh Quảng Bình: 40/50 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 40/50 điểm

a) Các mặt đã đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tỉnh.

+ Có 10 văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số trên tổng số 10 văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số theo yêu cầu Bộ TTTT.

+ Cổng thông tin điện tử của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và có hơn 52 tin, bài.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tỉnh.

+ Cổng thông tin điện tử của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và có hơn 52 tin, bài.

+ Cơ quan báo chí của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và có hơn 52 tin, bài.

+ Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và có trên 12 lần phát sóng.

b) Các mặt chưa đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Cơ quan báo chí của tỉnh đã có chuyên mục riêng về CDS và số lượng tin, bài đạt dưới 52 tin bài/năm.

+ Đài phát thanh truyền hình tỉnh đã có chuyên mục riêng về CDS và số lượng phát sóng đạt dưới 12 lần phát sóng/năm.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Có 02 văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số trên tổng số 03 văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số theo yêu cầu Bộ TTTT

2. Về Thể chế số

Tỉnh Quảng Bình: 50/50 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 50/50 điểm

Bao gồm các tiêu chí:

+ Ban hành Nghị quyết chuyên về chuyển đổi số của Tỉnh.
+ Ban hành Kế hoạch hành động 5 năm và hằng năm của Tỉnh về chuyển đổi số.

+ Ban hành, cập nhật Khung/Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam.

+ Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (bao gồm chính sách giảm phí, lệ phí và chính sách giảm thời gian)

3. Hạ tầng số

Tỉnh Quảng Bình: 106,75/200 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 127,7/200 điểm

a) Các mặt đã đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng đạt 98,13%
+ Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định đạt 98,13%
+ Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 84,4%
+ Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 84,51 %
+ Đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu đạt 100%.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng đạt 98,87%
+ Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định đạt 95,62%
+ Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 93,3%
+ Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 83,84 %
+ Đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu đạt 100%.
+ Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung đạt 6/7 nền tảng.

+ Có ứng dụng AI phục vụ CCVC; người dân, doanh nghiệp; và ứng dụng AI nâng cao.

b) Các mặt chưa đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung chưa cao, đạt 5/7 nền tảng

+ Chưa có ứng dụng AI phục vụ cho CCVC; người dân, doanh nghiệp; và ứng dụng AI nâng cao.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu chưa cao, đạt 60%.

4. Nhân lực số

Tỉnh Quảng Bình: 1,93/100 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 90,25/100 điểm

a) Các mặt đã đạt được

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ 100% Sở, ban, ngành, huyện, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị (điểm tối đa).

+ Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số đạt 10,02% (điểm tối đa).

+ Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về An toàn thông tin mạng đạt 10,02% (điểm tối đa).

+ Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân đạt 5% (điểm tối đa).

b) Các mặt chưa đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Tỷ lệ sở, ban, ngành, huyện, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị chỉ đạt 18,39% (dưới 100% được tính 0 điểm).

+ Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số chỉ đạt 6,31% (dưới 10% được tính 0 điểm).

+ Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về An toàn thông tin mạng chỉ đạt 0,23% (dưới 1% được tính 0 điểm).

+ Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân đạt 5%.

+ Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số chỉ đạt 6,82%.

+ Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân chỉ đạt 0,5% (dưới 5% được tính 0 điểm).

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số chỉ đạt 75,63%.

+ Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số chỉ đạt 50%.

5. An toàn thông tin mạng

Tỉnh Quảng Bình: 62,25/100 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 76,80/100 điểm

a) Các mặt đã đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ 100% hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn.

+ 100% hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg.

+ Cổng thông tin điện tử được cấp chứng nhận tin nhiệm mạng.

+ Cổng Dịch vụ công được cấp chứng nhận tin nhiệm mạng.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ 100% hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn.

+ 100% hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

+ 100% hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung.

+ Cổng thông tin điện tử được cấp chứng nhận tin nhiệm mạng.

+ Cổng Dịch vụ công được cấp chứng nhận tin nhiệm mạng.

b) Các mặt chưa đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt chỉ đạt 26,98%.

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung chỉ đạt 41,27%.

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm chỉ đạt 18,18%.

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT chỉ đạt 9,09%.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Không có hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm.

+ Không có hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg chỉ đạt 68%.

6. Hoạt động chính quyền số

Tỉnh Quảng Bình: 69,19/200 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 93,50/200 điểm

a) Các mặt đã đạt được

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình chỉ đạt 71,81% (điểm tối đa).

+ Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 86,58%

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công đạt 96,28%.

b) Các mặt chưa đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Cổng thông tin điện tử đáp ứng 3/4 yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa đáp ứng từ mức B trở lên.

+ Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức chỉ đạt 56,25%.

+ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình chỉ đạt 41,81% (dưới 60% được tính 0 điểm)

+ Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến chỉ đạt 40%.

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chỉ đạt 15,25%.

+ Không có tài liệu kiểm chứng về tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công chỉ đạt 83,69%.

+ Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số chỉ đạt 0,45%.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Cổng thông tin điện tử đáp ứng 3/4 yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa đáp ứng từ mức B trở lên.

+ Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức chỉ đạt 43,75%.

+ Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến chỉ đạt 38,49%.

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chỉ đạt 20,45%.

+ Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số chỉ đạt 0,24%.

7. Hoạt động kinh tế số

Tỉnh Quảng Bình: 60,26/150 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 50,81/150 điểm

a) Các mặt đã đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Tỷ lệ điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định đạt 92%.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

b) Các mặt chưa đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP chỉ đạt 12,17% .

+ Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân chỉ đạt 0,13%.

+ Không có tài liệu kiểm chứng tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

+ Số lượng tên miền .vn trên tổng số doanh nghiệp thấp.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP thấp, chỉ đạt 0,01%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân chỉ đạt 0,22%.

+ Tỷ lệ điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định chỉ đạt 40,59%.

+ Số lượng tên miền .vn trên tổng số doanh nghiệp thấp.

8. Hoạt động xã hội số

Tỉnh Quảng Bình: 74,54/150 điểm

Tỉnh Quảng Trị (cũ): 107,33/150 điểm

a) Các mặt đã đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử đạt 81,94%

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử đạt 82,62%

b) Các mặt chưa đạt được

- *Tỉnh Quảng Bình*

+ Tỷ lệ dân số từ 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân chỉ đạt 6,57%.

+ Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông chỉ đạt 37,79%.

- *Tỉnh Quảng Trị (cũ)*

+ Tỷ lệ dân số từ 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân chỉ đạt 33,97%.

+ Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông chỉ đạt 44,87%.

Phụ lục 2**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP TỈNH - NĂM 2025***(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Thông tin chung				
STT	Tên thông tin	Đơn vị chủ trì cung cấp thông tin, số liệu	Thông tin/ số lượng cung cấp	Ghi chú
1	Tên Tỉnh, tỉnh			
2	Địa chỉ liên hệ chính thức			
3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử chính thức			
4	Số lượng dân số	Chi Cục Thống kê		
5	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động	Chi Cục Thống kê		
6	Số lượng hộ gia đình	Chi Cục Thống kê		
7	Số lượng xã và tương đương	Sở Nội vụ		
8	Số lượng thôn, xóm và tương đương	Sở Nội vụ		
9	Số lượng cơ quan/đơn vị thuộc, trực thuộc	Sở Nội vụ		
10	Số lượng công chức	Sở Nội vụ		
11	Số lượng viên chức (không tính viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp thuộc Y tế, Giáo dục)	Sở Nội vụ		
12	Số lượng doanh nghiệp	Sở Tài chính		
13	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số	Sở Tài chính		
14	Số lượng thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh		

Bảng chi tiết bộ tiêu chí DTI								
STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị chủ trì triển khai công việc	Đơn vị chịu trách nhiệm xác nhận số liệu	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn triển khai thực hiện	Tài liệu kiểm chứng/ Sản phẩm	Ghi chú
		1000						
I	Nhận thức số	50						
1	Người đứng đầu Tỉnh, tỉnh (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh, tỉnh) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh	10	Sở Khoa học và Công nghệ (Sở KHCN)	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban chỉ đạo.	File điện tử có ký số Quyết định thành lập	
2	Ban hành các văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số	10	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN rà soát, tham mưu tất cả các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số theo yêu cầu của Bộ KHCN trình UBND tỉnh; 2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo 100% văn bản yêu cầu của Bộ KHCN có ban hành văn bản do Chủ tịch hoặc PCT UBND tỉnh ký chỉ đạo triển khai.	File điện tử có ký số các văn bản triển khai ở tỉnh	

3	Cổng thông tin điện tử của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số hoặc có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số	10	Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Văn phòng UBND tỉnh tổ chức vận hành Chuyên mục Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh. - Sở KHCN duy trì chuyên trang CDS tỉnh; Thành lập Ban biên tập để duy trì. - Sở Tài chính đảm bảo kinh phí cho việc cập nhật tin bài. 2. Điều kiện đảm bảo: 52 tin bài/năm trở lên	Danh sách tin bài: tiêu đề tin bài kèm địa chỉ	
4	Cơ quan báo chí của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	10	Báo và phát thanh truyền hình tỉnh	Sở VH TT&DL	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Báo và phát thanh truyền hình tỉnh đảm bảo có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và số lượng tin, bài về Chuyển đổi số - Sở Tài chính đảm bảo nguồn kinh phí triển khai. 2. Điều kiện đảm bảo: Bài về Chuyển đổi số đạt từ 52 tin bài/năm trở lên	Hình ảnh và liên kết (link) chuyên mục của Báo và phát thanh truyền hình tỉnh	
5	Đài Phát thanh truyền hình của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	10	Báo và phát thanh truyền hình tỉnh	Sở VH TT&DL	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Báo và phát thanh truyền hình tỉnh thiết lập và duy trì chuyên mục chuyển đổi số. 2. Điều kiện đảm bảo: Phát tin thường xuyên định kỳ 12 lần phát sóng/năm trở lên	Hình ảnh và liên kết (link) chuyên mục của Báo và phát thanh truyền hình tỉnh	

II	Thể chế số	50						
1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của tỉnh	10	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	Điều kiện đảm bảo: Nghị quyết chuyên đề được ban hành	File điện tử có ký số của Nghị quyết	
2	Ban hành Kế hoạch hành động 5 năm và hằng năm của tỉnh về chuyển đổi số	10	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	Điều kiện đảm bảo: Kế hoạch được ban hành	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
3	Ban hành, cập nhật Khung/ Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam	10	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	2. Điều kiện đảm bảo: Ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Trị tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số ban hành kèm theo Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ KH và CN	File điện tử ký số Quyết định ban hành	
4	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	30	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến. - Chính sách giảm phí, lệ phí - Chính sách giảm thời gian 2. Điều kiện đảm bảo: Văn bản được ban hành.	File điện tử ký số Quyết định	

III	Hạ tầng số	200						
1	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng	30	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đưa ra phương án nhằm phủ sóng di động băng rộng trên toàn tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: 100% thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng		
2	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định	30	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đưa ra phương án nhằm phủ băng rộng cố định trên toàn tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: 100% thôn, bản được phủ băng rộng cố định		
3	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân	30	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đưa ra phương án nhằm tăng cường phổ cập thuê bao băng rộng di động trên địa bàn tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: Đạt tỷ lệ 100% người dân trưởng thành sử dụng thuê bao băng rộng di động.	Cục Viễn thông cung cấp	
4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	30	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đưa ra phương án nhằm tăng cường phổ cập hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang 2. Điều kiện đảm bảo: >80% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang.	Cục Viễn thông cung cấp	

5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	30	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN tham mưu duy trì khiên khai nền tảng điện toán đám mây tại hạ tầng dùng chung của tỉnh phục vụ chuyển đổi số. 2. Điều kiện đảm bảo: - Nền tảng điện toán đám mây đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ KHCN. - 100% hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu	- 100% hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây	
6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	30	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Sở KHCN chủ trì tham mưu nội dung triển khai các nền tảng số dùng chung theo yêu cầu. - Sở Tài chính bố trí kinh phí để triển khai và duy trì các nền tảng. Các nền tảng chưa triển khai : (1) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước, (2) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức 2. Điều kiện đảm bảo: Các nền tảng triển khai có mục đích, chức năng tương đương nền tảng của Bộ KHCN yêu cầu và yêu cầu phải cài đặt tại Trung tâm IOC.	Hình ảnh nền tảng, Quyết định đầu tư; Văn bản triển khai có ký số.	

7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	20	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Sở KHCN tham mưu, triển khai trong đó quan tâm bổ sung các hoạt động AI cụ thể sau: - Có ứng dụng AI phục vụ CCVC; - Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp; - Có ứng dụng AI nâng cao khác (ứng dụng điển hình là các ứng dụng phục vụ nông nghiệp, viễn thám, giao thông, đô thị thông minh, giáo dục, y tế, du lịch, tài nguyên, môi trường). - Sở Tài chính bố trí kinh phí đáp ứng triển khai. 2. Điều kiện đảm bảo: - Hệ thống đưa vào vận hành chính thức	- Có hợp đồng triển khai - Có xác nhận của Cục chuyển đổi số Quốc gia	
IV	Nhân lực số	100						
1	Sở, ban, ngành, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	10	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các sở ban ngành, huyện, xã ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các Sở ban ngành và 100% UBND cấp xã bố trí phân công chuyên trách CDS.	- Quyết định file điện tử có ký số - Danh sách tổng hợp	
2	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số	30	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các sở ban ngành, địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm Chuyển đổi số phù hợp nhất có thể. 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các Sở ban ngành, UBND cấp xã phân công chuyên trách với tỉ lệ phù hợp đảm bảo tỷ lệ $\geq 10\%$ (Tổng số CBCT trên tổng số CC,VC).	- Quyết định file điện tử có ký số - Danh sách tổng hợp	
3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách về An toàn thông tin	20	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh gửi văn bản Bộ KHCN làm rõ với cách tính điểm hiện tại; Đưa ra phương án số lượng để UBND tỉnh chỉ đạo,	- Quyết định file điện tử có ký số - Danh sách	

	mạng					hướng dẫn các sở ban ngành, địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm ATTT mạng phù hợp nhất có thể. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% các Sở ban ngành, UBND cấp huyện phân công chuyên trách với tỉ lệ phù hợp, đảm bảo tỷ lệ $\geq 1\%$ (Tổng số CBCT trên tổng số CC,VC). - 100% UBND cấp xã bố trí chuyên trách với tỉ lệ phù hợp, đảm bảo tỷ lệ $\geq 1\%$ (Tổng số CBCT trên tổng số CC,VC).	tổng hợp	
4	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	20	Sở Nội vụ; Sở KHCN; UBND cấp xã	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Sở KHCN xây dựng kế hoạch triển khai tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyển đổi số cho công chức, viên chức toàn tỉnh. - Các địa phương xã chỉ đạo CCVC tập huấn theo nội dung của Sở KHCN; Sở Nội vụ. 2. Điều kiện đảm bảo: Ban hành kế hoạch, có phân bổ kinh phí và được triển khai.	Kế hoạch file điện tử có ký số; Tài liệu, xác nhận tham dự; Hình ảnh triển khai	
5	Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân	10	UBND cấp xã	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: UBND các xã, phường, đặc khu thường xuyên cập nhật nhân sự và kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng đến cấp thôn, bản, tổ dân phố. 2. Điều kiện đảm bảo: 100% thôn, tổ, bản có tổ công nghệ số cộng đồng và số lượng thành viên trong Tổ CNS phù hợp với dân số trên địa bàn, đảm bảo tỷ lệ $\geq 5\%$ (5 thành viên của Tổ CNS cộng đồng trên 100 dân)	- Quyết định file điện tử có ký số - Danh sách tổng hợp	

6	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số	10	UBND cấp xã	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến MOOCS của tỉnh. UBND xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch truyền thông, tập huấn thúc đẩy người dân tham gia để nâng cao kỹ năng số trong xã hội. 2. Điều kiện đảm bảo: Có triển khai Kế hoạch truyền thông; tỷ lệ càng cao điểm càng cao, đảm bảo >50% Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên được phổ cập kỹ năng số.	Thống kê trên hệ thống	
V	An toàn thông tin mạng	100						
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn	20	Công an tỉnh	Công an tỉnh	31/12/2025	Nội dung thực hiện: Công an tỉnh phối hợp các Sở ban ngành, địa phương và cơ quan TW trên địa bàn thống kê các hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ. Bổ sung khi có các nền tảng mới triển khai. 2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo 100% HTTT được phê duyệt cấp độ an toàn	Hồ sơ triển khai	
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	20	Công an tỉnh	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Công an tỉnh phối hợp các Sở ban ngành, địa phương và cơ quan TW trên địa bàn triển khai giải pháp bảo vệ an toàn thông tin các HTTT đã được phê duyệt cấp độ. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo 100% HTTT được đã phê duyệt được bảo vệ	Hồ sơ triển khai	
3	Tỷ lệ hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm	10	Công an tỉnh	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Công an tỉnh triển khai phương án giám sát An toàn thông tin, cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung cho các HTTT và chia sẻ đầy đủ về Trung tâm NCSC.	Số liệu thực tế qua văn bản báo cáo có ký số	

	phòng chống mã độc tập trung					2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo 100% máy chủ được giám sát và kết nối về Trung tâm NCSC		
4	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm	10	Công an tỉnh	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Công an tỉnh lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin các HTTT cấp độ 3 của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: Kết quả triển khai có xác nhận	Số liệu thực tế qua văn bản báo cáo có ký số	
5	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT	10	Công an tỉnh	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Công an tỉnh lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin các HTTT cấp độ 3 của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Kết quả triển khai có xác nhận - Đánh giá đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT	Số liệu thực tế qua văn bản báo cáo có ký số	
6	Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg	10	Công an tỉnh	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Công an tỉnh phối hợp Trung tâm IOC kiểm tra, rà soát số lượng HTTT cấp độ 3 đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố ATTT 2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo 100% HTTT cấp độ 3 đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố ATTT	Hồ sơ triển khai. Số liệu thực tế qua văn bản báo cáo có ký số	
7	Cổng thông tin điện tử được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	10	Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh chủ trì đăng ký cấp chứng nhận tín nhiệm mạng cho Cổng thông tin điện tử tỉnh đồng thời gửi văn bản về Công an tỉnh để phối hợp triển khai thực hiện. 2. Điều kiện đảm bảo: Cổng thông tin điện	Thống kê trên hệ thống https://tinnhiemmmang.vn	

						từ được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng		
8	Cổng Dịch vụ công được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	10	Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ thông tin (Sở KHCN)	Công an tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ thông tin chủ trì đăng ký cấp chứng nhận tín nhiệm mạng cho Cổng Dịch vụ công tỉnh đồng thời gửi văn bản về Công an tỉnh để phối hợp triển khai thực hiện. 2. Điều kiện đảm bảo: Cổng Dịch vụ công tỉnh (HTTT GQ TTHC tỉnh) được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng	Thống kê trên hệ thống https://tinnhiemmmang.vn	
VI	Hoạt động chính quyền số	200						
1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	20	Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh rà soát để kiểm định phần mềm và hiệu năng. Sở Tài chính bố trí kinh phí triển khai. 2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo theo yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của Bộ KHCN - Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh đảm bảo Cổng thông tin điện tử có gắn nhãn xác nhận đã kết nối với Hệ thống EMC - Sở ban ngành, địa phương đảm bảo Trang thông tin điện tử có gắn nhãn xác nhận đã kết nối với Hệ thống EMC; - Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh đảm bảo Cổng thông tin điện tử có hiển thị đường dẫn trên trang chủ dẫn đến các trang thành phần; - Sở ban ngành, địa phương đảm bảo Trang thông tin điện tử có đường dẫn trên trang chủ trở đến cổng thông tin điện tử mà trang trực thuộc.	Bộ KHCN trực tiếp rà soát	

2	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	20	Sở KHCN	Văn phòng UBND tỉnh	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Sở KHCN tổ chức rà soát các chức năng, tính năng chưa đảm bảo yêu cầu, các nội dung chưa cấp kinh phí để đầu tư triển khai xây dựng 2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo theo yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của Bộ KHCN	Bộ KHCN trực tiếp rà soát	
3	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh	20	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN xây dựng kế hoạch kết nối 100% dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia vào các nền tảng của tỉnh thông qua LGSP 2. Điều kiện đảm bảo: 100% dịch vụ dữ liệu có trên NDXP được liên thông và đưa vào sử dụng tại tỉnh	- Văn bản báo cáo có ký số; - Cục chuyển đổi số quốc gia rà soát.	
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	20	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Trung tâm Hành chính công tỉnh tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ công bố dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 2. Điều kiện đảm bảo: >60% thủ tục hành chính công bố dịch vụ công trực tuyến toàn trình		
5	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	20	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh); UBND cấp xã	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Trung tâm Hành chính công tỉnh, Sở KHCN tham mưu các giải pháp nhằm áp chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến cho từng cơ quan, địa phương tăng tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tham gia đăng ký DVCTT 2. Điều kiện đảm bảo: >=80% hồ sơ nộp trực tuyến		
6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	50	Trung tâm Hành chính	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Trung tâm Hành chính công tỉnh tham		

			công tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh); UBND cấp xã			mưu UBND tỉnh chỉ đạo đảm bảo công tác tiếp nhận hồ sơ giấy, xử lý thủ tục hành chính áp dụng 100% trên nền tảng số đã được triển khai. Áp chỉ tiêu xử lý trực tuyến cho các cơ quan, địa phương. - Sở KHCN đảm bảo điều kiện kỹ thuật 2. Điều kiện đảm bảo: $\geq 70\%$ hồ sơ trực tuyến toàn trình		
7	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	10	Sở KHCN	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Công an tỉnh đẩy nhanh triển khai DVCTT trên VNeID để thúc đẩy DVC trực tuyến. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ tài khoản sử dụng DVCTT càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống; Cục chuyển đổi số quốc gia xác nhận	
8	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công	10	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Xây dựng, triển khai giải pháp nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, sử dụng DVCTT do sở, ngành, địa phương mình giải quyết, cung cấp. 2. Điều kiện đảm bảo: Mức độ hài lòng tỷ lệ thuận theo số điểm	Hình ảnh trên hệ thống, văn bản thống kê; Cục chuyển đổi số quốc gia xác nhận	
9	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	30	Sở Tài chính	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở Tài chính thống kê đầy đủ tổng chi ngân sách cho chính quyền số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ - Đảm bảo tỷ lệ $> 1\%$ (<i>Kinh phí đầu tư và Kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số trên Tổng chi ngân sách nhà nước</i>)	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	

VII	Hoạt động kinh tế số	150						
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	50	Chi cục Thống kê tỉnh	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Chi cục Thống kê chủ trì, Chi cục Thuế phối hợp thống kê đầy đủ số liệu kinh tế số và phân tích tỷ trọng đóng góp vào GRDP của tỉnh. - Chi cục Thuế theo dõi và hướng dẫn các cá nhân, tổ chức nộp thuế khai báo theo đúng mã ngành nghề liên quan đến kinh tế số đã đăng ký. 2. Điều kiện đảm bảo: Tỷ trọng tỷ lệ thuận với số điểm	- Văn bản số liệu có ký số; Cục chuyên đổi số quốc gia xác nhận.	
2	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	30	Sở Tài chính	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở Tài chính thống kê đầy đủ doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tỷ lệ thuận theo số điểm	- Danh sách doanh nghiệp công nghệ số; Cục chuyển đổi số quốc gia xác nhận.	
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	20	Điện lực tỉnh, Công ty CP Cấp nước, VNPT Quảng Trị, Viettel Quảng Trị	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN phối hợp Điện lực tỉnh, Công ty CP Cấp nước, VNPT Quảng Trị, Viettel Quảng Trị để triển khai chuyên sang hợp đồng điện tử cho 100% doanh nghiệp ký. 2. Điều kiện đảm bảo: Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
4	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định	20	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN chỉ đạo các doanh nghiệp Bưu chính đảm bảo 100% các điểm bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định. 2. Điều kiện đảm bảo: Tỷ lệ thuận theo số	Báo cáo số liệu có ký số	

						điểm		
5	Số lượng tên miền .vn	30	UBND cấp xã	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN có văn bản truyền thông khuyến khích, hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp tham gia đề tăng trưởng tên miền .VN 2. Điều kiện đảm bảo: Số lượng tên miền tỷ lệ thuận theo số điểm	Tài liệu kiểm chứng: VNNIC cung cấp	
VIII	Hoạt động xã hội số	150						
1	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử	50	Công an tỉnh	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Công an tỉnh chủ trì phối hợp Sở KHCN, các địa phương tổ chức thu nhận hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử cho người dân 2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo 100% người dân từ 14 tuổi trở lên được cấp phát tài khoản định danh điện tử	Báo cáo ký số xác nhận	
2	Tỷ lệ dân số từ 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân	50	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: - Sở KHCN tổ chức tuyên truyền về tính pháp lý, tiện ích của chứng thư số đến người dân, chỉ đạo các doanh nghiệp triển khai chứng thư số từ xa cho dân. - Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch triển khai các hồ sơ có chứng thư số từ xa trên các hệ thống tương tác giữa nhà trường, phụ huynh và học sinh. 2. Điều kiện đảm bảo: Đảm bảo 50% người dân từ 14 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Theo thông kê từ Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia	
3	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền	50	Sở KHCN	Sở KHCN	31/12/2025	1. Nội dung thực hiện: Sở KHCN đẩy nhanh truyền thông để người dân sử dụng QuangTri-S; Đẩy mạnh truyền thông số,	Báo cáo ký số xác nhận	

	thông					cung cấp các dịch vụ tích hợp trên QuangTri-S. 2. Điều kiện đảm bảo: $\geq 70\%$ người biết kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông ở mức cơ bản		
--	-------	--	--	--	--	--	--	--